

Số: 02 /BB-THTM

Tiên Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2026

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT**  
**Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025**

Thời gian: 15 giờ 30 phút ngày 08 tháng 01 năm 2026

Địa điểm: Tại hội trường Trường Tiểu học Tiên Minh

Thành phần tham dự:

- Đồng chí Phạm Văn Bảy - Hiệu trưởng - Chủ tọa
- Thư ký: Đồng chí Phan Thị Thương - Nhân viên văn thư
- Cùng toàn thể các đồng chí CB, GV, NV trường Tiểu học Tiên Minh.

**NỘI DUNG**

Niêm yết công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 của cán bộ quản lý trường Tiểu học Tiên Minh (đính kèm danh sách và bản kê khai tài sản, thu nhập)

Thời gian niêm yết: 15 ngày (Kể từ ngày 08/01/2026)

Địa điểm niêm yết: Tại website của nhà trường

Biên bản đã được thông qua cho tất cả các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất, được lập thành 02 bản, 01 bản lưu hồ sơ kê khai tài sản, 01 bản để niêm yết./.

- Các thành viên khác đều nhất trí với nội dung các bản kê khai.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 08 tháng 01 năm 2026.

THƯ KÝ



Phan Thị Thương



Phạm Văn Bảy

Tiên Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH**  
**Niên yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025**

STT	Nội dung	Số lượng
1	Bản kê khai tài sản, thu nhập của ông Phạm Văn Bảy – Hiệu trưởng	01 bản
2	Bản kê khai tài sản, thu nhập của ông Ngô Văn Hưng – Phó hiệu trưởng	01 bản

Tổng số bản kê khai tài sản, thu nhập niêm yết công khai: 02 bản

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Phan Thị Thương*

**Phan Thị Thương**



**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
(Ngày 31 tháng 12 năm 2025)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **PHẠM VĂN BÃY**. Năm sinh: 09/04/1973

- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng

- Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Tiên Minh, xã Tiên Minh, TP Hải Phòng

- Nơi thường trú: Thôn Hộ Tứ Ngoại, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng

- Số CCCD: 031073005037, ngày cấp: 28/06/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **VŨ THỊ AN THÙY**. Năm sinh: 03/11/1977

- Nghề nghiệp: Dạy học

- Nơi làm việc: Trường Tiểu học Đoàn Lập, xã Tân Minh, TP Hải Phòng

- Nơi thường trú: Thôn Hộ Tứ Ngoại, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng

- Số CCCD: 031177015340, ngày cấp: 12/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

**1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:**

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Hộ Tứ Ngoại, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng

- Diện tích: 496m<sup>2</sup>

- Giá trị: .....

- Giấy CN quyền sử dụng: CB238720 (Thửa đất số 11. Tờ bản đồ số 04)

- Thông tin khác (nếu có):

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ: Thôn Hộ Tứ Ngoại, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng



- Diện tích: 122m<sup>2</sup>
- Giá trị: .....
- Giấy CN quyền sử dụng: BĐ126389 (Thửa đất số 106. Tờ bản đồ số 04)
- Thông tin khác (nếu có):

## 1.2. Các loại đất khác

### 1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất nông nghiệp,
- Địa chỉ: Thôn Hộ Tứ Ngoại, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng
- Diện tích: 504m<sup>2</sup>
- Giá trị: Đất nông nghiệp
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

### 1.2.2. Thửa thứ hai:

- Loại đất: Đất nông nghiệp,
- Địa chỉ: Thôn Hộ Tứ Ngoại, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng
- Diện tích: 1224m<sup>2</sup>
- Giá trị: Đất nông nghiệp
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): Không có

## 2. Nhà ở, công trình xây dựng

### 2.1. Nhà ở

#### 2.1.1. Nhà thứ nhất

- Địa chỉ: Thôn Hộ Tứ Ngoại, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng
- Loại nhà: Kiên cố. Cấp công trình: 1
- Diện tích sử dụng: 160m<sup>2</sup>
- Giá trị: Không xác định (960.000.000đ)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có
- Thông tin khác (nếu có): Không có

2.1.2. Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất. Không có

#### 2.2. Công trình xây dựng khác: Không có

##### 2.2.1. Công trình thứ nhất:





- Tên công trình: ..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình ..... Cấp công trình .....
- Diện tích: .....
- Giá trị: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ hai (Trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có

3.1. Cây lâu năm

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Cổng, tường bao. Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định
- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

Tổng: 383.432.000 đồng

Tiền mặt: 64.127.000 đồng

Tiền gửi: 319.305.000 đồng

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: 

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: .....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:  
Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) <sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) <sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>. Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không có

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 711.293.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 451.259.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 260.034.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):**

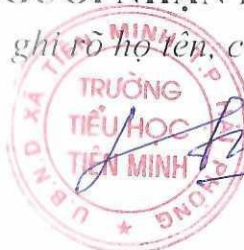
 

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .		Tăng 79 triệu	Tăng từ tiền lương, tiền thưởng, ... tiết kiệm
		+ 711.293.000 đồng	- Thu nhập từ lương và phụ cấp, thu nhập khác.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



*Ngô Văn Hằng*

Tiên Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Phạm Văn Bảy*

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
(Ngày 31 tháng 12 năm 2025)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGÔ VĂN HUNG Ngày tháng năm sinh: 15/11/1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Tiên Minh
- Nơi thường trú: Lộ Đông-Tiên Minh-Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031075015570 ngày cấp 13/09/2022 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Thuý Ngày tháng năm sinh: 12/12/1976
- Nghề nghiệp: Dạy học
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Trường Tiểu học Đông Hưng
- Nơi thường trú: Thôn Lộ Đông xã Tiên Minh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031176010866 ngày cấp: 26/6/2023 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: .....Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân .....

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**



1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>: Đã được cấp giấy quyền sử dụng đất

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>: Đất ở.

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn Lộ Đông xã Tiên Minh TP Hải Phòng.

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 150m<sup>2</sup>.

- Giá trị<sup>(10)</sup>: Đất cấp

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn Hưng và bà Nguyễn Ngọc Thủy theo số AC017394

Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không có

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

.....  
- Địa chỉ: Thôn Lộ Đông xã Tiên Minh thành phố Hải Phòng

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 100 m<sup>2</sup>


- Giá trị<sup>(10)</sup>: 300 000 000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất. Không có

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không có.

2.2.1. Công trình thứ nhất: 



- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không có.

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: *Không có*

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: *Không có*

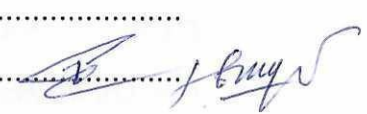
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): *Không có*.

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....



6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: .....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

*Không có.*

- Tên tài sản: ..... Số đăng ký: ..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký: ..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: *Không có.*

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: *Không có.*

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: *Không có.*

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 747.879.532đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 401.796.243đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 346.083.280 đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có.

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):** *Không có biến động*

*Nguyễn Văn A*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p>			



Handwritten signature

<p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		747.879.532đ	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp.
--	--	--------------	---

Tiên Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2026  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



HIỆU TRƯỞNG  
*Phạm Văn Bảy*

Tiên Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ngô Văn Hưng**